QUẢN LÝ BÁN HÀNG

* UC51: Khởi tạo hóa đơn



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Usecase ID: | UC51 | | |
| Usecase Name: | Khởi tạo hóa đơn | | |
| Created By: | Nguyễn Trọng Nghĩa | Last Updated By: | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Last Updated: | 11/5/2011 |
| Actors: | Nhân viên bán hàng | | |
| Description: | Chức năng này được sử dụng khi có khách hàng đặt mua sách, người bán hàng phải tao mới một hóa đơn bán hàng  Hệ thống hỗ trợ tự nhập mã vạch của sản phẩm đã được quét bằng máy vào ô mã sản phẩm để nhập vào hóa đơn | | |
| Trigger: |  | | |
| Preconditions: | Mã sách được nhập vào phải có trong cơ sở dữ liệu của hệ thống | | |
| Postconditions: | Xuất ra file excel tổng hợp các thông tin mà người dùng đã chọn | | |
| Normal flow: | 1. Từ menu công cụ, người dùng chọn mục “Tạo hóa đơn bán hàng” 2. Nhân viên bán hàng nhập vào số lượng sách bán 3. Quét mã vạch của cuốn sách 4. Hệ thống đưa ra tổng số tiền 5. Nhân viên bán hàng nhập vào số tiền nhận được từ khách hàng 6. Hệ thống đưa ra số tiền dư | | |
| Alternative flows: | Trường hợp mã vạch của cuốn sách bị mờ máy không thể quét   1. Nhân viên bán hàng nhập vào số lượng sách bán 2. Nhập tên của sách 3. Hệ thống đưa ra tổng số tiền 4. Nhân viên bán hàng nhập vào số tiền nhận được từ khách hàng 5. Hệ thống đưa ra số tiền dư | | |
| Exceptions: | Nếu nhân viên bán hàng nhập số tiền nhận từ khách hàng nhỏ hơn tổng tiền trong hóa đơn thì hệ thống sẽ báo lỗi “ Nhập sai số tiền “ | | |
| Includes: | Không có. | | |
| Priority: | 1 | | |
| Frequency of use: | Thường sử dụng | | |
| Business rules: |  | | |
| Special requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and issues: |  | | |

* UC51: In hóa đơn



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Usecase ID: | UC52 | | |
| Usecase Name: | In hóa đơn | | |
| Created By: | Nguyễn Trọng Nghĩa | Last Updated By: | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Last Updated: | 11/5/2011 |
| Actors: | Nhân viên bán hàng | | |
| Description: | Chức năng này được sử dụng khi nhân viên bán hàng đã tạo lập hóa đơn và cần in ra hóa đơn cho khách hàng | | |
| Trigger: |  | | |
| Preconditions: | Hóa đơn đã được nhập đầy đủ thông tin cần thiết | | |
| Postconditions: | Xuất ra hóa đơn cho khách hàng và lưu lại trong cơ sở dữ liệu | | |
| Normal flow: | 1. Người dùng chọn nút “ In hóa đơn” trong khung “Tạo lập hóa đơn” 2. Hệ thống tự chuyển sang 1 trang mới đầy đủ thông tin của hóa đơn 3. Người dùng kiểm tra lại thông tin trên hóa đơn    1. Nếu thông tin bị sai sót thì người dùng nhấn nút “quay lại” để chỉnh sửa    2. Nếu thông tin đã chính xác thì người dùng nhấn nút “In hóa đơn” để xuất ra hóa đơn cho khách hàng | | |
| Alternative flows: |  | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: | Không có. | | |
| Priority: | 1 | | |
| Frequency of use: | Thường sử dụng | | |
| Business rules: |  | | |
| Special requirements: |  | | |
| Assumptions: | Người dùng chọn nút “ In hóa đơn” để xuất hóa đơn ra cho khách hàng thì cửa hàng bị mất điện. Vậy hệ thống sẽ xử lý hóa đơn đó như thế nào? | | |
| Notes and issues: |  | | |

QUẢN LÝ SÁCH Ở CỬA HÀNG

* UC31-01: Đề xuất xuất kho (QLBH \_NETBIZ)
* UC32: Chỉnh sửa thông tin giao dịch



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Usecase ID: | UC32 | | |
| Usecase Name: | Chỉnh sửa thông tin giao dịch | | |
| Created By: | Nguyễn Trọng Nghĩa | Last Updated By: | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Last Updated: | 11/5/2011 |
| Actors: | Quản lý cửa hàng | | |
| Description: | Chức năng này được sử dụng khi có giao dịch nhập hoặc bán sách bị sai thông tin trong quá trình nhập dữ liệu vào hệ thống hoặc do khách hàng trả lại sách vì lí do nào đó | | |
| Trigger: |  | | |
| Preconditions: | Các giao dịch đã được in ra hóa đơn và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của hệ thống | | |
| Postconditions: | Thông tin chi tiết của các hóa đơn có trong giao dịch đó đã được chỉnh sửa | | |
| Normal flow: | 1. Người dùng chọn chức năng “ chỉnh sửa thông tin giao dịch” 2. Người dùng nhập các thông tin của hóa đơn cần chỉnh sửa 3. Hệ thống đưa ra danh sách các hóa đơn thỏa mãn điều kiện của thông tin nhập vào 4. Người dùng chọn ra hóa đơn có thông tin cần chỉnh sửa 5. Chi tiết thông tin của hóa đơn được hiển thị 6. Người dùng nhập lại các thông tin chỉnh sửa cho hóa đơn | | |
| Alternative flows: |  | | |
| Exceptions: | Nếu hệ thống không tìm thấy thông tin của hóa đơn cần chỉnh sửa mà người dùng nhập vào thì hệ thống sẽ báo lỗi để người dùng nhập lại thông tin cho thích hợp | | |
| Includes: | Không có. | | |
| Priority: | 1 | | |
| Frequency of use: | Ít sử dụng (trường hợp khách hàng trả lại sách hoặc hóa đơn in bị sai) | | |
| Business rules: |  | | |
| Special requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and issues: |  | | |

* UC33: Kiểm kê số lượng sách



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Usecase ID: | UC32 | | |
| Usecase Name: | Kiểm kê số lượng sách | | |
| Created By: | Nguyễn Trọng Nghĩa | Last Updated By: | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Last Updated: | 11/5/2011 |
| Actors: | Quản lý cửa hàng | | |
| Description: | Người dùng kiểm kê lại số lượng sách thực tế trong cửa hàng và số lượng sách trong hệ thống phần mềm để so sánh độ chênh lệch thông qua chức năng “Kiểm kê số lượng sách” | | |
| Trigger: |  | | |
| Preconditions: | Nhập vào số lượng sách thực tế có trong cửa hàng sau khi qua kiểm kê | | |
| Postconditions: | Thông tin về số lượng sách có trong hệ thống và đưa ra mức chênh lệch giữa số sách trong hệ thống và thực tế bên ngoài | | |
| Normal flow: | 1. Người dùng chọn chức năng “ Thống kê số lượng sách” 2. Người dùng nhập vào số lượng sách có trong cửa hàng sau khi kiểm kê 3. Hệ thống đưa ra các thông tin về    1. Tổng số lượng sách trong hệ thống    2. Số lượng từng loại sách    3. Độ chênh lệch giữa số sách thực tế trong cửa hàng và trên hệ thống | | |
| Alternative flows: |  | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: | Không có. | | |
| Priority: | 2 | | |
| Frequency of use: | Thường sử dụng | | |
| Business rules: |  | | |
| Special requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and issues: |  | | |

* UC34: Thống kê doanh thu



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Usecase ID: | UC34 | | |
| Usecase Name: | Thống kê doanh thu | | |
| Created By: | Nguyễn Trọng Nghĩa | Last Updated By: | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Last Updated: | 11/5/2011 |
| Actors: | Quản lý cửa hàng | | |
| Description: | Chức năng này được sử dụng khi người quản lý cần thống kê doanh thu bán sách của cửa hàng trong một khoảng thời gian nào đó | | |
| Trigger: |  | | |
| Preconditions: | Nhập vào khoảng thời gian cần thống kê doanh thu | | |
| Postconditions: | Thông tin tổng hợp doanh thu như : tổng số hóa đơn, tổng số sách đã bán, tổng giá trị hóa đơn. | | |
| Normal flow: | 1. Người dùng chọn chức năng “ Thống kê doanh thu” 2. Người dùng nhập vào khoảng thời gian cần thống kê 3. Hệ thống đưa ra các thông tin tổng hợp về doanh thu trong khoảng thời gian người dùng đã nhập | | |
| Alternative flows: |  | | |
| Exceptions: |  | | |
| Includes: | Không có. | | |
| Priority: | 3 | | |
| Frequency of use: | Thường sử dụng | | |
| Business rules: |  | | |
| Special requirements: |  | | |
| Assumptions: |  | | |
| Notes and issues: |  | | |

* UC35: Hủy hóa đơn



|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Usecase ID: | UC35 | | |
| Usecase Name: | Hủy hóa đơn | | |
| Created By: | Nguyễn Trọng Nghĩa | Last Updated By: | Nguyễn Trọng Nghĩa |
| Date Created: | 10/5/2011 | Date Last Updated: | 11/5/2011 |
| Actors: | Quản lý cửa hàng | | |
| Description: | Chức năng này được sử dụng khi có khách hàng trả lại sách vì lí do nào đó và cần phải hủy hóa đơn | | |
| Trigger: |  | | |
| Preconditions: | Hóa đơn đã được in ra và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của hệ thống | | |
| Postconditions: | Thông tin chi tiết của hóa đơn đã được xóa khỏi cơ sở dữ liệu trong hệ thống | | |
| Normal flow: | 1. Người dùng chọn chức năng “ Hủy hóa đơn” 2. Người dùng nhập các thông tin của hóa đơn cần hủy 3. Hệ thống đưa ra danh sách các hóa đơn thỏa mãn điều kiện của thông tin nhập vào 4. Người dùng chọn ra hóa đơn cần hủy 5. Người dùng nhập vào lý do hủy hóa đơn 6. Người dùng nhấn nút “ Hủy” để hủy hóa đơn | | |
| Alternative flows: |  | | |
| Exceptions: | Nếu hệ thống không tìm thấy thông tin của hóa đơn cần chỉnh sửa mà người dùng nhập vào thì hệ thống sẽ báo lỗi để người dùng nhập lại thông tin cho thích hợp | | |
| Includes: | Không có. | | |
| Priority: | 1 | | |
| Frequency of use: | Ít sử dụng (trường hợp khách hàng trả lại sách hoặc hóa đơn in bị sai) | | |
| Business rules: |  | | |
| Special requirements: |  | | |
| Assumptions: | Trong trường hợp hóa đơn đó đã được hủy nhưng khách hàng muốn khôi phục lại để xem thông tin thì hệ thống xử lý như thế nào? | | |
| Notes and issues: |  | | |